

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 31/2021/DS-ST

Ngày: 29/12/2021.

V/v tranh chấp hợp đồng
góp hui.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Dũ

2. Ông Phùng Văn Luân.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng góp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2021/QĐST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Ông **Võ Văn L**, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp THĐ, xã TH, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang (có mặt)

2.*Bị đơn:* Bà **Lê Thị Kim C**, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp THT, xã THT, huyện TP, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

3.*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị **Phạm Thị Thu Ng**, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp Th, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 7 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Võ Văn L trình bày:**

Từ năm 2015-2016, ông có tham gia hui do bà C làm chủ thảo. Cụ thể:

Dây hội thứ nhất: Hội 200.000đồng. Mỗi tuần khui 01 lần. Hội có 62 phần tham gia, ông tham gia 02 phần. Ông đóng được 46 lần hội sống thì bà C ngưng không khui hội nữa. Số tiền ông đã đóng là 18.400.000đồng.

Dây hội thứ hai: Hội 200.000đồng. Mỗi tuần khui 01 lần. Hội có 74 phần tham gia, ông tham gia 02 phần. Ông đóng được 38 lần hội sống thì bà C ngưng không khui hội nữa. Số tiền ông đã đóng là 15.200.000đồng.

Dây hội thứ ba: Hội 200.000đồng. Mỗi tuần khui 01 lần. Hội có 92 phần tham gia, ông tham gia 05 phần. Ông đóng được 19 lần thì bà C ngưng không khui hội nữa. Số tiền ông đã đóng là 19.000.000đồng.

Dây hội thứ tư: Hội 200.000đồng. Mỗi tuần khui 01 lần. Hội có 74 phần tham gia, ông tham gia 01 phần. Ông đóng được 38 lần thì bà C ngưng không khui hội nữa. Số tiền ông đã đóng là 7.600.000đồng.

Ngày 13/01/2016, ông và bà C tính tiền nợ 03 dây hội đầu là 52.600.000đồng còn thiếu dây thứ tư là 7.600.000đồng.

Tổng cộng các dây hội bà C thiếu ông là 60.200.000đồng. Nay yêu cầu bà Lê Thị Kim C trả cho ông số tiền hội còn thiếu là 60.200.000đồng và tính lãi chậm trả là 32.508.000đồng. Yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Đến hạn trả, nếu bà C không trả được thì phải chịu lãi chậm thi hành án.

***Tại bản tự khai bị đơn Lê Thị Kim C trình bày:**

Ông Võ Văn L tham gia hội do bà làm chủ thảo chỉ có 03 dây hội, dây hội thứ 4 là của Phạm Thị Thu Ng (con dâu ông Võ Văn L). Sau khi ngưng hội bà có ghi số tiền từng dây hội cho ông L là 60.200.000đồng. Tại buổi hòa giải xã THT, ông L đồng ý cho bà trả số tiền 21.240.000đồng. Nay bà đồng ý trả số tiền 21.240.000đồng cho ông Võ Văn L, bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng. Dây hội thứ 4 của chị Ng nên bà không đồng ý trả cho ông L.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Thu Ng trình bày:**

Trước đây, chị có tham gia hội do bà Lê Thị Kim C làm chủ thảo. Hội 200.000đồng. Mỗi tuần khui 01 lần. Hội có 74 phần tham gia, chị tham gia 01 phần. Chị đóng được 38 lần thì bà C ngưng không khui hội nữa. Số tiền chị đã đóng là 7.600.000đồng. Chị đồng ý để ông Võ Văn L khởi kiện chung trong vụ

kiện này.

*Tại phiên tòa, ông Võ Văn L rút một phần yêu cầu khởi kiện, ông L yêu cầu bà C trả số tiền 03 dây hụi bà C còn thiếu là 52.600.000đồng, không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Đến hạn trả nợ mà bà C không trả được nợ thì phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn khai nhận việc tham gia hụi, góp hụi, nguyên đơn có tên trong danh sách hụi viên nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng góp hụi theo quy định tại Điều 479 Bộ luật dân sự 2005. Hai bên xác lập giao dịch dân sự năm 2015 nên áp dụng Bộ luật Dân sự 2005 để giải quyết.

[2] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Võ Văn L tranh chấp hợp đồng góp hụi với bị đơn Lê Thị Kim C có nơi cư trú: ấp THT, xã THT huyện TP, tỉnh Tiền Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị Kim C được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Chị Phạm Thị Thu Ng không có yêu cầu bà Lê Thị Kim C trả số tiền hụi còn thiếu là 7.600.000đồng. Hội đồng xét xử không xem xét, khi có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về chứng cứ vụ án: Ông Võ Văn L cung cấp giấy tính tiền hụi ngày 13/01/2016 với số tiền 52.600.000đồng. Bà C cũng thừa nhận khi ngưng hụi thì bà có ghi số tiền hụi của ông L đã đóng nhưng tính theo hụi chết nên tổng cộng

là 52.600.000đồng và 01 phần hui của chị Ng là 7.600.000đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung: Ông Võ Văn L khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Kim C trả số tiền hui còn thiếu là 60.200.000đồng và 32.508.000đồng lãi suất. Tại phiên tòa, ông L thay đổi yêu cầu ông L chỉ yêu cầu bà Lê Thị Kim C trả số tiền hui còn thiếu là 52.600.000đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, bà C là chủ thảo hui thực hiện góp hui các hui viên và có nghĩa vụ giao hui cho thành viên lãnh hui và phải góp hui thay nếu đến kỳ mở hui mà có thành viên không góp hui, bà C ngưng hui không trả tiền hui cho ông L mà kéo dài cho đến nay là vi phạm nghĩa vụ, nên L khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Kim C trả số tiền 52.600.000đồng là có căn cứ.

Xét việc bà C xin trả số tiền hui 21.240.000đồng và xin trả dẫn mỗi tháng 1.000.000đồng nhưng không được ông L đồng ý vì ngưng hui đã lâu từ năm 2016 đến nay nhưng bà C không trả nên ông yêu cầu bà C phải trả số tiền hui theo giấy hui bà C đã ghi ngày 13/01/2016. Do đó không có cơ sở chấp nhận cho bà C trả số tiền 21.240.000đồng mà cần buộc bà C trả cho ông L số tiền 52.600.000đồng, do bà C vi phạm nghĩa vụ nên cần buộc trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí: Bà Lê Thị Kim C phải chịu án phí DSST theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Võ Văn L không phải chịu án phí DSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 479, khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự 2005.

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39. Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn L.

Buộc bà Lê Thị Kim C phải trả cho ông Võ Văn L số tiền hui là 52.600.000đồng (Năm mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng). Trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà C chậm thi hành thì còn phải chịu thêm lãi theo mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự 2005 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Kim C phải chịu 2.630.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Võ Văn L không phải chịu án phí DSST. Hoàn lại cho ông L số tiền 2.317.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 20838 ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Ông L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà C, chị Ng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Thuyền

